

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 11**Môn: Toán – Lớp 3****Bộ sách: Kết nối tri thức**

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Số liền sau của số 50 là số:

- A. 51 B. 49 C. 48 D. 52

Câu 2. Số 634 được đọc là

- A. Sáu ba bốn B. Sáu trăm ba tư
C. Sáu trăm ba mươi tư D. Sáu tám ba mươi bốn

Câu 3. Thương của phép chia $30 : 5$ là:

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 4. Một ô tô con có 4 bánh xe. Hỏi 10 ô tô con như thế có bao nhiêu bánh xe?

- A. 20 bánh xe B. 32 bánh xe C. 40 bánh xe D. 28 bánh xe

Câu 5. Nhận xét nào sau đây không đúng?

- A. Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó
B. Số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó
C. Số nào nhân với 0 cũng bằng 0
D. Số 0 chia cho số nào cũng bằng chính số đó

Câu 6. Dụng cụ nào sau đây thường dùng để kiểm tra góc vuông?

- A. Ê-ke B. Bút chì C. Bút mực D. Com-pa

Câu 7. Nhiệt độ nào dưới đây phù hợp với ngày nắng nóng?

- A. 0°C B. 2°C C. 100°C D. 36°C

Câu 8. 17 kg gấp lên 5 lần được:

- A. 70 kg B. 75 kg C. 85 kg D. 90 kg

II. TỰ LUẬN**Câu 8.** Tính nhẩm

a) $460 \text{ mm} + 120 \text{ mm} = \dots\dots\dots$

b) $240 \text{ g} : 6 = \dots\dots\dots$

c) $120 \text{ ml} \times 3 = \dots\dots\dots$

Câu 9. Đặt tính rồi tính

a) 116×6

.....

b) $963 : 3$

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Tính giá trị biểu thức

a) $9 \times (75 - 63)$

b) $(16 + 20) : 4$

c) $37 - 18 + 17$

.....

.....

.....

.....

Câu 11. Mỗi bao gạo nặng 36 kg, mỗi bao ngô nặng 25 kg. Hỏi 2 bao gạo và 1 bao ngô nặng bao nhiêu ki – lô – gam?

.....

.....

.....

.....

Câu 12. Hình bên có:



..... hình tam giác

..... hình tứ giác

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số liền sau của số 50 là số:

- A. 51 B. 49 C. 48 D. 52

Phương pháp

Số liền sau của một số thì lớn hơn số đó 1 đơn vị.

Lời giải

Số liền sau của số 50 là số 51.

Chọn A

Câu 2. Số 634 được đọc là:

- A. Sáu ba bốn B. Sáu trăm ba tư
C. Sáu trăm ba mươi tư D. Sáu tăm ba mươi bốn

Phương pháp

Đọc số lần lượt từ hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị

Lời giải

Số 634 được đọc là: Sáu trăm ba mươi tư

Chọn C

Câu 3. Thương của phép chia $30 : 5$ là:

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Phương pháp

Dựa vào bảng chia 5 để tính nhẩm

Lời giải

Thương của phép chia $30 : 5$ là 6

Chọn B

Câu 4. Một ô tô con có 4 bánh xe. Hỏi 10 ô tô con như thế có bao nhiêu bánh xe?

- A. 20 bánh xe B. 32 bánh xe C. 40 bánh xe D. 28 bánh xe

Phương pháp

Số bánh xe = Số bánh xe ở mỗi ô tô x số ô tô

Lời giải

10 ô tô con như thế có số bánh xe là: $4 \times 10 = 40$ (bánh xe)

Chọn C

Câu 5. Nhận xét nào sau đây không đúng?

- A. Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó

- B.** Số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó
C. Số nào nhân với 0 cũng bằng 0
D. Số 0 chia cho số nào cũng bằng chính số đó

Phương pháp

Đọc các câu rồi chọn câu phát biểu sai

Lời giải

Nhận xét không đúng là: Số 0 chia cho số nào cũng bằng chính số đó

Chọn D

Câu 6. Dụng cụ nào sau đây thường dùng để kiểm tra góc vuông?

- A.** Ê-ke **B.** Bút chì **C.** Bút mực **D.** Com-pa

Phương pháp

Dựa vào kiến thức về góc vuông để trả lời

Lời giải

Dùng ê ke để kiểm tra góc vuông.

Chọn A

Câu 7. Nhiệt độ nào dưới đây phù hợp với ngày nắng nóng?

- A.** 0°C **B.** 2°C **C.** 100°C **D.** 36°C

Phương pháp

Dựa vào kiến thức thực tế để trả lời

Lời giải

Nhiệt độ 36°C phù hợp với ngày nắng nóng.

Chọn D

Câu 8. 17 kg gấp lên 5 lần được:

- A.** 70 kg **B.** 75 kg **C.** 85 kg **D.** 90 kg

Phương pháp

Muốn gấp một số lên một số lần, ta lấy số đó nhân với số lần.

Lời giải

17 kg gấp lên 5 lần được: $17 \times 5 = 85$ (kg)

Chọn C**II. TỰ LUẬN**

Câu 8. Tính nhẩm

a) $460 \text{ mm} + 120 \text{ mm} = \dots\dots\dots$

b) $240 \text{ g} : 6 = \dots\dots\dots$

$$c) 120 \text{ ml} \times 3 = \dots\dots\dots$$

Phương pháp

Thực hiện phép tính với các số rồi viết đơn vị tương ứng sau kết quả tìm được.

Lời giải

$$a) 460 \text{ mm} + 120 \text{ mm} = 580 \text{ mm}$$

$$b) 240 \text{ g} : 6 = 40 \text{ g}$$

$$c) 120 \text{ ml} \times 3 = 360 \text{ ml}$$

Câu 9. Đặt tính rồi tính

$$a) 116 \times 6$$

$$b) 963 : 3$$

Phương pháp

- Đặt tính theo các quy tắc đã học

- Nhân lần lượt từ phải sang trái, chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải

$$\begin{array}{r}
 116 \\
 \times \quad 6 \\
 \hline
 696
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 963 \overline{) 3} \\
 06 \overline{) 321} \\
 \hline
 03 \\
 0
 \end{array}$$

Câu 10. Tính giá trị biểu thức

$$a) 9 \times (75 - 63)$$

$$b) (16 + 20) : 4$$

$$c) 37 - 18 + 17$$

Phương pháp

- Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước

- Với biểu thức chỉ chứa phép tính cộng, trừ ta thực hiện từ trái sang phải

Lời giải

$$\begin{aligned}
 a) 9 \times (75 - 63) &= 9 \times 12 \\
 &= 108
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 b) (16 + 20) : 4 &= 36 : 4 \\
 &= 9
 \end{aligned}$$

$$c) 37 - 18 + 17 = 19 + 17 = 36$$

Câu 11. Mỗi bao gạo nặng 36 kg, mỗi bao ngô nặng 25 kg. Hỏi 2 bao gạo và 1 bao ngô nặng bao nhiêu ki – lô – gam?

Phương pháp

- Tìm cân nặng của 2 bao gạo

- Tìm cân nặng của bao gạo và bao ngô

Lời giải

2 bao gạo cân nặng là:

$$36 \times 2 = 72 \text{ (kg)}$$

2 bao gạo và 1 bao ngô nặng là:

$$72 + 25 = 97 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 97 kg

Câu 12. Hình bên có:



..... hình tam giác

..... hình tứ giác

Phương pháp

Quan sát hình vẽ để xác định số hình tam giác, tứ giác.

Lời giải

Hình bên có:

7 hình tam giác

3 hình tứ giác